

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11-ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2026/HS-ST
Ngày 07-01-2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11- ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Huỳnh Mậu Thảo

+ Ông Huỳnh Trí Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nguyệt Sương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Đà Nẵng tham gia phiên tòa: bà Hoàng Thị Minh Hòa – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 – Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 29/2025/TLST-HS ngày 16 tháng 12 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2025/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 12 năm 2025, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Văn L, tên gọi khác: không; giới tính: nam; sinh ngày: 09/4/1992, tại xã V, thành phố Đà Nẵng; nơi cư trú: thôn M, xã V, thành phố Đà Nẵng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 12/12; con ông Nguyễn N (sinh năm 1964) và bà Hồ Thị H (sinh năm 1967); cùng trú tại: thôn M, xã V, thành phố Đà Nẵng; gia đình có 03 anh em, bị cáo là con lớn nhất; bị cáo và bà Nguyễn Thị Ái V (sinh năm: 1992, trú tại: xã N, thành phố Đà Nẵng) sống chung như vợ chồng do không đăng ký kết hôn, có 01 con sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: không.

Biện pháp ngăn chặn: bị tạm giữ từ ngày 08/9/2025 đến ngày 17/9/2025 chuyển tạm giam cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Nguyễn Văn V1, tên gọi khác: không; giới tính: nam; sinh ngày: 21/4/1994, tại xã V, thành phố Đà Nẵng; nơi cư trú: thôn M, xã V, thành phố Đà Nẵng; quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 09/12; con ông Nguyễn Thế V2 (sinh năm 1965) và bà Bùi Thị B (sinh năm 1969), cùng trú tại: thôn M, xã V, thành phố Đà Nẵng; gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ ba; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không.

Biện pháp ngăn chặn: bị tạm giữ từ ngày 08/9/2025 đến ngày 17/9/2025 chuyển tạm giam cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1/ Ông Nguyễn N, sinh năm 1964

Địa chỉ: thôn M, xã V, thành phố Đà Nẵng. Có mặt tại phiên tòa.

2/ Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1990

Địa chỉ: thôn M, xã V, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có nhu cầu sử dụng trái phép chất ma túy nên khoảng 19 giờ 30 phút ngày 07/9/2025, Nguyễn Văn L đang uống cà phê tại quán vỉa hè ở khu Đ, H, thành phố Đà Nẵng cùng với Nguyễn Văn V1 thì L rủ V1: “*kiếm người mô nhờ mua ma túy về sử dụng Vũ hè*”. V1 đồng ý và tự đưa cho L 100.000 đồng. Lành sử dụng điện thoại di động hiệu REDMI màu xanh, kèm sim số 0911.550.389 của L gọi cho người đàn ông tên H1 ở xã V, thành phố Đà Nẵng (không rõ lai lịch) có số đuôi điện thoại là 905 (Lành không nhớ rõ số điện thoại của H1) nhờ H1 mua ma túy sử dụng. H1 đồng ý và đọc số tài khoản ngân hàng V3 nói L chuyển tiền. Sau đó, L góp thêm 100.000 đồng rồi đi bộ đến gần tiệm thuốc tây gần quán cà phê. Tại đây, L gặp người phụ nữ (không rõ lai lịch) đang đi bộ ngoài đường nên nhờ chuyển khoản 200.000 đồng vào tài khoản mà H1 đã đọc trước đó. Người phụ nữ đồng ý và L đưa cho người phụ nữ 200.000 đồng. Lành gọi điện thoại cho H1 nói H1 đọc số tài khoản rồi L đọc lại cho người phụ nữ để chuyển tiền. Sau khi chuyển tiền xong, L đi bộ về lại quán cà phê. Trên đường đi, H1 gọi điện thoại cho L nói đã lấy được ma túy. L nói với H1 mai mới về được. Sau đó, L và V1 về ngủ tại phòng trọ ở phường H, thành phố Đà Nẵng. Khoảng 07 giờ ngày 08/9/2025, L điều khiển xe máy biển kiểm soát 92F6-4334 đi từ phường H, thành phố Đà Nẵng về khu vực chợ Đ, xã V, thành phố Đà Nẵng. L gọi điện thoại cho H1 hỏi ma túy, H1 trả lời: “*quán trong khẩu trang để ở bụi tre*” ở gần khu vực chợ Đ cũ. Lành tiếp tục điều khiển xe máy đến chợ Đ cũ. Tại đây, L thấy bên đường có một gốc tre làm bờ rào cạnh ruộng bắp ở đường bê tông số 2 thôn T, xã V, thành phố Đà Nẵng, phía trên đầu gốc tre có một khẩu trang màu trắng nên L biết đó là ma túy H1 để. Lành mở ra thấy bên trong có bộ dụng cụ sử dụng ma túy đã pha sẵn nên bỏ vào túi quần rồi điều khiển xe đến khu vực nghĩa trang xã Đ cũ để giấu chờ V1 về sử dụng. Sau đó, L đi về nhà. Đến khoảng 11 giờ 30 phút ngày 08/9/2025, L dùng điện thoại số 0911.550.389 gọi đến số 0325.459.407 của V1 hỏi V1 đi làm về chưa thì vào đường T (là đường vào nghĩa trang) để sử dụng ma túy. Lúc này, V1 đang điều khiển xe máy Yamaha Exiter màu xanh trắng, biển kiểm soát 43K1 – 04959 trên đường chạy từ thành phố Đà Nẵng về. Lành điều khiển xe máy đến khu vực nghĩa trang xã Đ cũ lấy bộ dụng cụ sử dụng ma túy giấu lúc sáng rồi đến nghĩa trang thôn M, xã P, thành phố Đà Nẵng. Tới nơi, L cất xe máy ở bụi cây rồi đi bộ lên phần mộ đôi có mái che bằng tôn ghi phần mộ của ông Phạm H2 và bà Võ Thị B1 rồi lấy bộ dụng cụ sử dụng ma túy ra. Khoảng 15 phút sau V1 đến, L dùng bật lửa đốt nỏ sử dụng ma túy trước rồi đến lượt V1 dùng bật lửa đốt nỏ sử dụng ma túy. Lành, Vũ thay phiên nhau cùng sử dụng ma túy được hai lần. Đến 13 giờ cùng ngày, Công an xã P phát hiện bắt quả tang, lập biên bản tạm giữ đồ vật có liên quan và đưa về trụ sở làm việc. Tại đây, L và V1 thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên. Qua test nhanh, L và V1 đều dương tính với ma túy loại Methamphetamine.

Kết luận giám định số 883/KL-KTHS ngày 12/9/2025 của Phòng K, Công an thành phố Đ xác định: chất rắn màu vàng nâu ở phần bầu tròn của nỏ thủy

trong túi niêm phong ký hiệu PS2 mã số 23019178 gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng chất rắn: 0,029 gam.

Kết luận giám định số 884/KL-KTHS ngày 12/9/2025 của Phòng K, Công an thành phố Đ xác định: tìm thấy chất ma túy Methamphetamine trong mẫu nước tiểu thu của Nguyễn Văn V1 (ký hiệu V1) và Nguyễn Văn L (ký hiệu V2) gửi giám định.

Cáo trạng số 13/CT-VKSKV11-HS ngày 12 tháng 12 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Đà Nẵng truy tố các bị cáo Nguyễn Văn L và Nguyễn Văn V1 về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” theo quy định tại khoản 1 Điều 255 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025).

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Đà Nẵng giữ nguyên quan điểm như nội dung Cáo trạng đã truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025) xử phạt:

- Bị cáo Nguyễn Văn L từ 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù đến 04 (bốn) năm tù về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”.

- Bị cáo Nguyễn Văn V1 từ 03 (ba) năm tù đến 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”.

Xét các bị cáo không có công ăn việc làm ổn định, không có tài sản riêng nên đề nghị không áp dụng khoản 5 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025) để phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội Đồng Xét Xử áp dụng điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021, 2024, 2025); điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025).

- Tịch thu, tiêu hủy:

- + 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy tự chế gồm: 01 (một) bình thủy tinh có gắn nắp nhựa màu đen, bên trên có đục 02 (hai) lỗ tròn, một lỗ gắn 01 (một) nõ bằng thủy tinh, một đầu gắn với ống hút bằng nhựa, một đầu có dạng hình cầu hờ, một lỗ gắn với 01 (một) ống hút bằng nhựa màu trắng; 01 (một) bật lửa gas có nút bật màu tím, trên bật lửa có chữ “HOA VIỆT”; 01 (một) bật lửa gas có nút bật màu cam, trên bật lửa có chữ “HOA VIỆT”.

- + 01 túi niêm phong bằng ni lông có mã số NS2 2401370, bên trong có toàn bộ vỏ bao gói các mẫu V1, V2 được niêm phong sau giám định hoàn trả.

- + Thẻ sim số 0911.550.389 và 0349.252.947

- + Thẻ sim số 0325.459.407

- Tịch thu sung công:

- + 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu REDMI, màu xanh, số EMEI 1: 864763067764181/00, số EMEI 2: 864763067764199/00.

- + 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu REDMI, màu xanh, số EMEI 1: 868344077607102/12, số EMEI 2: 868344077607110/12.

Về án phí: Đề nghị tuyên buộc bị cáo Nguyễn Văn L và bị cáo Nguyễn Văn V1 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn V1 thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Nguyễn N thống nhất với nội dung của bản Cáo trạng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Văn L và Nguyễn Văn V1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát. Lời khai nhận tội của các bị cáo hoàn toàn phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ, HĐXX có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 13 giờ ngày 08/9/2025, tại khu vực nghĩa trang T, xã P, thành phố Đà Nẵng, Nguyễn Văn L và Nguyễn Văn V1 cùng nhau tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy loại Methamphetamine. Trong đó, L là người khởi xướng, liên lạc mua ma túy và chọn địa điểm sử dụng ma túy; V1 là người góp tiền cùng L mua ma túy để cả hai cùng sử dụng. Cả 02 người cùng nhau tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy cho đến khi bị Công an xã P lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Hành vi trên của các bị cáo Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn V1 đã phạm vào tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025).

[3] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội: hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự công cộng và chế độ quản lý độc quyền chất ma túy của Nhà nước. Ma túy là một loại độc dược không những hủy hoại sức khỏe của người sử dụng, mà còn gây tác hại nhiều mặt trong đời sống xã hội và là một trong những nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm. Các bị cáo là người đã trưởng thành, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, song vì lối sống buông thả, thỏa mãn nhu cầu của bản thân và ý thức chấp hành pháp luật kém nên các bị cáo vẫn cố tình thực hiện hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Do đó, cần áp dụng hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo mới có tác dụng giáo dục và ngăn ngừa tội phạm.

Xét tính chất đồng phạm và vai trò phạm tội của các bị cáo, thấy: các bị cáo cùng cố ý thực hiện tội phạm nhưng không có sự bàn bạc, cấu kết chặt chẽ

với nhau từ trước, mà do nhất thời phạm tội nên là đồng phạm giản đơn. Trong đó bị cáo L là người khởi xướng, rủ bị cáo V1 sử dụng ma túy. Bị cáo L có hành vi mua ma túy, chuẩn bị bộ dụng cụ sử dụng ma túy, bật lửa, tìm địa điểm để cả hai cùng nhau sử dụng ma túy. Bị cáo V1 có hành vi đưa cho L 100.000 đồng để mua ma túy cùng nhau sử dụng. Do đó bị cáo L có vai trò cao hơn bị cáo V1 và các bị cáo phải chịu hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ và vai trò thực hiện hành vi phạm tội của mình.

[4] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình của cả hai bị cáo đều có người có công với cách mạng nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025).

[5] Xét các bị cáo là đối tượng nghiện ma túy không có nghề nghiệp và không có tài sản riêng nên không áp dụng khoản 5 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025) để phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Về biện pháp ngăn chặn: Áp dụng Điều 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021, 2024, 2025), tiếp tục tạm giam các bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án, để bảo đảm việc thi hành án.

[7] Vấn đề liên quan trong vụ án:

+ Đối với xe mô tô nhãn hiệu Wave, màu xanh, biển kiểm soát 92F6 – 4334, số máy: HC09E3013536, số khung: RLHHC09014Y313465 của ông Nguyễn Năm . Ngày 04/12/2025, bị cáo Nguyễn Văn L sử dụng nhưng ông Nguyễn N không biết việc bị cáo L sử dụng xe thực hiện hành vi phạm tội, nên Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an thành phố Đ trả lại cho ông Nguyễn N là có căn cứ.

+ Đối với xe mô tô nhãn hiệu Exiter, màu xanh trắng, biển kiểm soát 43K1 – 049.59, số máy: 55P1018895, số khung: RLCE55P10BY018892 của ông Nguyễn Văn D. Ngày 04/12/2025, bị cáo Nguyễn Văn V1 sử dụng, nhưng ông Nguyễn Văn D không biết việc bị cáo V1 sử dụng xe thực hiện hành vi phạm tội, nên Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an thành phố Đ trả cho ông Nguyễn Văn D là có căn cứ.

+ Đối với thanh niên tên H1 đã bán ma túy cho Nguyễn Văn L, quá trình điều tra không xác định được nhân thân, lai lịch nên Cơ quan CSĐT Công an thành phố Đ không có cơ sở để xử lý.

+ Đối với người phụ nữ chuyên tiền mua ma túy giúp Nguyễn Văn L, quá trình điều tra không xác định được nhân thân, lai lịch nên Cơ quan CSĐT Công an thành phố Đ không có cơ sở để xử lý.

[8] Tại phiên tòa Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Đà Nẵng về Điều luật áp dụng, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân và đề nghị mức hình phạt đối với các bị cáo cũng như về xử lý vật chứng là phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.
Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025).

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn L và bị cáo Nguyễn Văn V1 phạm tội
“Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

2. Xử phạt: Nguyễn Văn L 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ ngày 08 tháng 9 năm 2025.

Xử phạt: Nguyễn Văn V1 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ ngày 08 tháng 9 năm 2025.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021, 2024, 2025); Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025).

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy tự chế gồm: 01 (một) bình thủy tinh có gắn nắp nhựa màu đen, bên trên có đục 02 (hai) lỗ tròn, một lỗ gắn 01 (một) nõ bằng thủy tinh, một đầu gắn với ống hút bằng nhựa, một đầu có dạng hình cầu hờ, một lỗ gắn với 01 (một) ống hút bằng nhựa màu trắng; 01 (một) bật lửa gas có nút bật màu tím, trên bật lửa có chữ “HOA VIỆT”; 01 (một) bật lửa gas có nút bật màu cam, trên bật lửa có chữ “HOA VIỆT”. Sau khi gửi giám định, tất cả vật chứng trên đã được hoàn lại trong 01 túi niêm phong bằng ni lông có mã số NS2 2005513 của Phòng K, Công an thành phố Đ.

+ 01 túi niêm phong bằng ni lông có mã số NS2 2401370, bên trong có toàn bộ vỏ bao gói các mẫu V1, V2 được niêm phong sau giám định hoàn trả.

+ Thẻ sim số 0911.550.389 và 0349.252.947

+ Thẻ sim số 0325.459.407

- Tịch thu sung công:

+ 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu REDMI, màu xanh, số EMEI 1: 864763067764181/00, số EMEI 2: 864763067764199/00.

+ 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu REDMI, màu xanh, số EMEI 1: 868344077607102/12, số EMEI 2: 868344077607110/12.

(Vật chứng của vụ án đã được bàn giao sang Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11, thành phố Đà Nẵng theo biên bản bàn giao vật chứng ngày 15 tháng 12 năm 2025 giữa Cơ quan CSĐT Công an thành phố Đ và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11, thành phố Đà Nẵng)

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021, 2024, 2025); Điều 21, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 và danh mục án phí lệ phí ban hành kèm theo buộc bị cáo Nguyễn Văn L và bị cáo Nguyễn Văn V1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021, 2024, 2025), các bị cáo Nguyễn Văn L; bị cáo Nguyễn Văn V1 được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 07/01/2026);

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 07/01/2026);

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn D vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc cấp, tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND khu vực 11-ĐN;
- CQ CSĐT CA TP Đà Nẵng;
- Phân trại tạm giam Đại Lộc;
- Trại TG số 02 Công an TP Đà Nẵng;
- Phòng THA Dân sự khu vực 11, TPĐN;
- Các bị cáo, người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hùng